

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

-----**-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 5 năm 2021

V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Cảnh Toàn**.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Chinh** và ông **Y Míp Niê**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lương Thị Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Trinh Xuân Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2019, về việc: “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 09/4/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 31/2021/TB-TA ngày 28/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị T - Sinh năm 1989.

Nơi ĐKNKTT: thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện tạm trú: thôn G - xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Người đại diện được ủy quyền (về phần tranh chấp tài sản chung, theo giấy ủy quyền ký, công chứng ngày 28/4/2021): Ông **Nguyễn Huy H**.

Địa chỉ: 420, HV, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Đinh Tiến P** – sinh năm 1985.

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng T.

Địa chỉ: 210 – TQK – quận H – thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện được ủy quyền: Ông **Phan Duy T** – Chức vụ: Giám đốc PGD K.

Địa chỉ: 75, NTT, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: thôn B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà Cao Thị T trình bày: Tôi kết hôn với anh Đinh Tiến P trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2006 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu thì sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2018 đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, cãi vã, đánh đập. Hiện nay vợ chồng mâu thuẫn quá trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người và ổn định sinh sống, làm ăn nên tôi yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Đinh Tiến P.

Về con chung, chúng tôi có 02 con chung là Đinh Thị Hồng P – sinh ngày 19/8/2007 và Đinh Hoàng Nhật P – sinh ngày 20/5/2009. Tôi có nguyện vọng nuôi 02 con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Đinh Tiến P trợ cấp cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, trong quá trình chung sống thì chúng tôi có các tài sản chung gồm:

Thửa đất số 02, 208 tại tờ bản đồ số 21 có diện tích 7.180m² theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 581868, cấp ngày 05/02/2013 tại thôn B – thị trấn K – huyện K và thửa đất số 135, 136 tại tờ bản đồ số 39 có diện tích 14.920m² theo giấy chứng nhận QSD đất số AN 663979, cấp ngày 13/8/2009 tại thôn G - xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Tôi yêu cầu Tòa án phân chia $\frac{1}{2}$ tài sản theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung, chúng tôi có vay của Ngân hàng T số tiền 120.000.000 đồng và vay của Ngân hàng TM số tiền 170.000.000 đồng. Tôi đề nghị chia $\frac{1}{2}$ số nợ theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bổ sung, bà Cao Thị T đề nghị xem xét, giải quyết thêm các tài sản là đồ dùng, vật dụng gia đình...bao gồm: Đường giây điện thấp sáng vào nhà, 01 căn nhà gỗ hai gian, 01 bộ bàn ghế gỗ salon, 01 ghế dây tựa gỗ, 01 bơm nước, 01 máy cắt sắt, 01 chiếc xe mô tô Wave BKS 47H2 – 3012, 01 xe mô tô Exiter Yamaha BKS 47E1 – 203.51, 01 máy giặt cửa trên, 01 máy hút bụi, 01 máy cày Jangma, 01 móc kéo. Các tài sản này, tôi đề nghị giải quyết, phân chia theo quy định của pháp luật.

- Biên bản lấy lời khai, ông Đinh Tiến P trình bày: Tôi và chị Cao Thị T yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K vào ngày 15/9/2006. Chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì tôi thấy vợ tôi có quan hệ với người đàn ông khác, tôi đã bỏ qua và khuyên bảo vợ là hãy sống tốt với chồng, con nhưng vợ tôi vẫn như cách sống cũ nên cuộc sống cũng có những xích mích, cãi cọ nhau và khi không kiềm chế được thì tôi có tát vợ tôi. Trước đây chúng tôi cũng đã từng ra Tòa án để giải quyết nhưng sau khi đã được Tòa án giải thích, hòa giải thì hai

người đoàn tụ với nhau và một thời gian thì vợ tôi vẫn tiếp tục cách sống của mình, không nghe lời khuyên bảo của chồng và chị T đã bỏ nhà đi sống nơi khác.

Nay tôi mong muốn chị Tình phải suy nghĩ lại để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau, nuôi dạy các con nên tôi không muốn ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con là cháu Đinh Thị Hồng P – sinh ngày 19/8/2007 và Đinh Hoàng Nhật P – sinh ngày 14/5/2009. Nguyên vọng của tôi là được nuôi dưỡng 2 cháu đến tuổi trưởng thành và tôi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, do tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tôi thừa nhận là chúng tôi đã nợ của Ngân hàng T số tiền 120.000.000 đồng và nợ của Ngân hàng TM số tiền 170.000.000 đồng. Khoản nợ này, chúng tôi đã vay vào tháng 01/2019 dương lịch và đến hạn trả là tháng 01/2020. Về khoản nợ này thì chúng tôi sẽ có trách nhiệm trả khi đến hạn.

- Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (đại diện Ngân hàng T) ông Phan Duy T trình bày: Theo khế ước nhận nợ số 6602019D293/01 ngày 24/01/2019 thì ông Đinh Tiến P và bà Cao Thị T có vay của Ngân hàng T số tiền là 120.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 24/01/2020. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 663979 do UBND huyện K cấp ngày 13/8/2009. Khế ước nhận nợ số 66220190095/01 ngày 22/01/2019, ông Đinh Tiến P và bà Cao Thị T có vay của Ngân hàng TM số tiền là 170.000.000 đồng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 22/01/2020. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 581868 do UBND huyện K cấp ngày 05/02/2013.

Nay ông P, bà T đang làm thủ tục ly hôn thì ông, bà phải hoàn thành nghĩa vụ đối với Ngân hàng TM theo đúng như hợp đồng, khế ước nhận nợ đã ký kết.

- Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn T trình bày: Khoảng cuối tháng 2, đầu tháng 3/2019 âm lịch, tôi có mua của anh Đinh Tiến P 01 romooc (moóc kéo) xe với giá tiền là 12.000.000 đồng, vì tôi có nghe thông tin là anh P có bán. Do nhu cầu mua để sử dụng nên khi tôi gặp anh P và đặt vấn đề mua và anh P đã bán. Chúng tôi mua bán chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau và khi hai bên đã thống nhất giá cả với nhau thì tôi đã đưa cho anh P số tiền 12.000.000 đồng rồi lấy chiếc romooc sử dụng. Khi tôi mua và đưa tiền thì chỉ có tôi và anh P, không có chị T. Việc chị T có biết là anh P đã bán cũng như có sử dụng số tiền 12.000.000 đồng đó hay không thì tôi không biết. Tôi nghĩ rằng, thời điểm đó anh P và chị T đang sống với nhau nên khi anh P đứng ra bán thì tôi mua.

Quan điểm của tôi là việc tôi mua ngay tình, tôi đã nhận tài sản và anh P đã nhận tiền. Tòa án giải quyết vụ việc liên quan đến tài sản là chiếc romooc thì đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo quyền lợi cho tôi.

Tại phiên tòa, người đại diện được ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Huy H vẫn giữ nguyên lời trình bày của nguyên đơn về phần tài sản. Đối với quyền sử dụng đất đề nghị theo sự thỏa thuận của các đương sự đã thỏa thuận với nhau vào ngày 20/8/2019 để ghi nhận và chia diện tích như các bên đã thống nhất theo tỷ lệ

các cạnh như kết quả đã thẩm định. Về tài sản là đồ dùng, vật dụng gia đình thì theo như biên bản làm việc ngày 28/02/2020, các bên đã thỏa thuận về giá trị các tài sản cụ thể và tại biên bản làm việc ngày 08/9/2020 thì những tài sản mà chị T đang quản lý, những tài sản mà anh P đang quản lý thì tính theo giá trị tài sản mà anh P phải hoàn trả cho chị T khoản tiền như đã thống nhất. Bên cạnh đó, anh Đinh Tiến P cũng phải hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng là giá trị chiếc romooc đã bán cho ông Nguyễn Văn T với giá 12.000.000 đồng vì việc bán tài sản thì chị T không biết và không chấp nhận. Về án phí thì do hộ cận nghèo, có đơn xin miễn và là dân tộc thiểu số, sống vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí sơ thẩm cho đương sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Việc thụ lý, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết và các thủ tục tố tụng trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa đã được đảm bảo theo trình tự, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, điểm b khoản 2 Điều 59, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T. Về hôn nhân, bà Cao Thị T được ly hôn với ông Đinh Tiến P; về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án về việc giao cháu Đinh Thị Hồng P – sinh ngày 19/8/2007 cho ông Đinh Tiến P, cháu Đinh Hoàng Nhật P – sinh ngày 14/5/2009 cho bà Cao Thị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản là quyền sử dụng đất đề nghị chia theo tỷ lệ như các đương sự đã thỏa thuận, thống nhất trong biên bản hòa giải vào ngày 20/8/2020 và phải xác định các cạnh tứ cận cụ thể theo như kết quả trong biên bản đã thẩm định. Về tài sản là các đồ dùng, vật dụng gia đình thì các đương sự đã thống nhất được giá trị tài sản, số tài sản cũng như tài sản các bên đang quản lý nên ông Đinh Tiến P phải hoàn trả giá trị chênh lệch cho bà T và số tiền 6.000.000 đồng mà ông P đã tự ý bán chiếc romooc cho ông Nguyễn Văn T để lấy số tiền 12.000.000 đồng. Về nợ chung các đương sự đã giải ngân và ngân hàng cũng đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như xác nhận là đã tất toán nên không đề cập. Về án phí thì do các đương sự là hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, miễn án phí cho các đương sự.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Ngày 04/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng nhận đơn khởi kiện của bà Cao Thị T về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và thanh toán nợ chung. Việc khởi kiện của bà Cao Thị T được xác định tranh

chấp về hôn nhân và gia đình là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2]. Thẩm quyền giải quyết: Đình Tiến P cư trú tại thôn B, thị trấn K, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Cao Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Đình Tiến P đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về nội dung vụ án.

[4.1]. Về hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Đình Tiến P yêu nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/9/2006. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hợp nên cuộc sống không được hạnh phúc. Thực tế bà T và ông P đã sống ly thân với nhau.

Quá trình giải quyết, ông Đình Tiến P đồng ý ly hôn với bà Cao Thị T. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Cao Thị T với ông Đình Tiến P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại vì hai người đã sống ly thân với nhau và mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận, bà Cao Thị T được ly hôn với ông Đình Tiến P.

[4.2]. Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là cháu Đình Thị Hồng P - sinh ngày 19/8/2007 và cháu Đình Hoàng Nhật P - sinh ngày 14/5/2009. Quá trình làm việc, hòa giải thì các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được ông Đình Tiến P nhận nuôi cháu Đình Thị Hồng P đến tuổi trưởng thành, bà Cao Thị T nhận nuôi cháu Đình Hoàng Nhật P đến tuổi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết. Xét sự thỏa thuận trên của các đương sự là không trái pháp luật, đạo đức xã hội cũng như phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, môi trường sống và nguyện vọng của các bên nên cần công nhận.

[4.3]. Về tài sản:

[4.3.1] Đối với diện tích 7.180m² (trong đó có 400m² đất ở) theo các thửa 02, 208 của tờ bản đồ số 21 tại thôn B – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện Krông Năng cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 581868 ngày 05/02/2013 cho ông Đình Tiến P, bà Cao Thị T và diện tích 14.920m² (trong đó có 400m² đất ở) theo các thửa 135, 136 của tờ bản đồ số 39 tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện Krông Năng cấp giấy chứng nhận QSD đất số AN 663979 ngày 13/8/2009 cho hộ ông Đình Tiến P, bà Cao Thị T. Về nguồn gốc của đất là do nhận chuyển nhượng nên đây là tài sản chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình hòa giải, các đương sự đã thống nhất được diện tích đất và tài sản gắn liền với đất của mỗi người được sử dụng. Xét việc thỏa thuận trên là do ý chí tự

nguyên của các đương sự, tuy nhiên việc thỏa thuận đó không thể hiện được các cạnh cụ thể nên cần điều chỉnh về các cạnh cho phù hợp, cụ thể:

Giao cho ông Đinh Tiến P được quyền sử dụng tích 3.580m² (trong đó có 200m² đất ở) tại thôn B – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 581868, có tứ cận cụ thể là: Đông giáp đất ông Đinh Minh P dài 60,66m, Tây giáp đất của bà Cao Thị T đã được chia dài 87,88m, Bắc giáp sông Krông Năng rộng 53,08m, Nam giáp đường liên thôn rộng 49,33m và diện tích 6.500m² (trong đó có 200m² đất ở) tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số AN 663379, có tứ cận cụ thể là: Đông giáp đất của bà Cao Thị T đã được chia rộng 60,51m, Tây giáp đường mòn rộng 65m, Bắc giáp đất ông Đinh Thanh H dài 96,66m và Nam đất của bà Cao Thị T đã được chia dài 113,83m.

Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

Giao cho bà Cao Thị T được quyền sử dụng diện tích 3.600m² (trong đó có 200m² đất ở) tại thôn B – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 581868, có tứ cận cụ thể là: Đông giáp đất của ông Đinh Tiến P đã được chia dài 87,88m, Tây giáp đất của bà Đinh Thị V dài 107,3m, Bắc giáp sông Krông Năng rộng 53,59m, Nam giáp đường liên thôn rộng 49,78m và diện tích 8.420m² (trong đó có 200m² đất ở và 262,5 đất hồ) tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số AN 663379, có tứ cận cụ thể là: Đông giáp đất nghĩa địa thôn G rộng 129m, Tây giáp đường mòn rộng 50m và giáp đất của ông Đinh Tiến P đã được chia rộng 60,51m, Bắc giáp đất của ông Đinh Tiến P đã được chia dài 113,83m và giáp đất ông Đinh Thanh H dài 11,34m, Nam giáp đất ông Nguyễn Hữu X dài 132m.

Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

[3.3.2] Đối với các tài sản là vật dụng, đồ dùng sinh hoạt gia đình mà ông Đinh Tiến P và bà Cao Thị T đã tạo lập trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: Đường giây điện ba pha và hai pha, 01 căn nhà gỗ hai gian, 01 bộ bàn ghế gỗ salon, 01 ghế dây tựa gỗ, 01 bơm nước, 01 máy cắt sắt, 01 chiếc xe mô tô Wave BKS 47H2 – 3012, 01 xe mô tô Exiter Yamaha BKS 47E1 – 203.51, 01 máy giặt cửa trên, 01 máy hút bùn, 01 máy cày Jangma.

Quá trình làm việc, các đương sự đều thống nhất giá trị hiện tại của các tài sản là: Nhà gỗ 02 gian có giá 5.000.000 đồng, 01 bộ bàn ghế gỗ salon có giá 3.000.000 đồng, 01 ghế dây tựa gỗ có giá 2.000.000 đồng, 01 bơm nước có giá 1.200.000 đồng, 01 máy cắt sắt có giá 1.500.000 đồng, 01 chiếc xe mô tô Wave BKS 47H2 – 3012 có giá 2.000.000 đồng, 01 xe mô tô Exiter Yamaha BKS 47E1 – 203.51 có giá 18.000.000 đồng, 01 máy giặt Aqua cửa trên 2.500.000 đồng, 01 máy hút bùn có giá 5.000.000 đồng, 01 máy cày Jangma có giá 10.000.000 đồng, đường dây điện có giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 53.200.000 đồng.

Hiện nay, bà Cao Thị T đang quản lý sử dụng 01 chiếc xe mô tô Wave BKS 47H2 – 3012, 01 máy giặt Aqua cửa trên, 01 máy cày Jangma có tổng giá trị là 14.500.000 đồng. Ông Đinh Tiến P đang quản lý, sử dụng đường giây điện, 01 căn

nhà gỗ hai gian, 01 bộ bàn ghế gỗ salon, 01 ghế dây tựa gỗ, 01 bơm nước, 01 máy cắt sắt, 01 xe mô tô Exiter Yamaha BKS 47E1 – 203.51, 01 máy hút bùn có tổng giá trị là 38.700.000 đồng. Giá trị các tài sản mà ông Đinh Tiến P đang quản lý, sử dụng là 38.700.000 đồng – giá trị các tài sản mà bà Cao Thị T đang quản lý, sử dụng là 14.500.000 đồng = 24.200.000 đồng. Ông Đinh Tiến P phải hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền chênh lệch là 12.100.000 đồng.

Đối với móc kéo xe máy mức thì ông Đinh Tiến P đã bán cho ông Nguyễn Văn T với giá 12.000.000 đồng nhưng không được sự đồng ý của bà Cao Thị T và ông P cũng đã nhận tiền và giao móc kéo cho ông T sử dụng nên ông Đinh Tiến P phải hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền trị giá $\frac{1}{2}$ tài sản, cụ thể là 6.000.000 đồng.

Như vậy, giao cho bà Cao Thị T quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản là: 01 chiếc xe mô tô Wave BKS 47H2 – 3012, 01 máy giặt Aqua cửa trên, 01 máy cày Jangma. Giao cho ông Đinh Tiến P quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản là đường giây điện hai pha, 01 căn nhà gỗ hai gian, 01 bộ bàn ghế gỗ salon, 01 ghế dây tựa gỗ, 01 bơm nước, 01 máy cắt sắt, 01 xe mô tô Exiter Yamaha BKS 47E1 – 203.51, 01 máy hút bùn.

Ông Đinh Tiến P phải hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền giá trị tài sản chênh lệch là 12.100.000 đồng + 6.000.000 đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ tài sản chiếc móc kéo máy mức đã bán cho ông T, tổng cộng là 18.100.000 đồng.

[3.5]. Về nợ chung: Tại giấy xác nhận dư nợ ngày 21/02/2020 của đại diện Ngân hàng TM thì dư nợ của hộ khách hàng Đinh Tiến P, Cao Thị T đã được tất toán và không còn dư nợ tại Ngân hàng TM. Khế ước 66020190239/01 ngày 24/01/2019 số tiền vay 120.000.000 đồng và khế ước 66220190095/01 ngày 22/01/2019 số tiền vay 170.000.000 đồng thì dư nợ gốc đến ngày 19/02/2010 là 0 đ (không đồng). Như vậy, khoản nợ đã được ông P, bà T hoàn trả cho ngân hàng và ngân hàng TM cũng đã hoàn trả cho các đương sự các giấy chứng nhận QSD đất nên về khoản nợ chung không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[5.1]. Về án phí: Bà Cao Thị T và ông Đinh Tiến P thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, miễn án phí hôn nhân và án phí dân sự cho các đương sự. Hoàn trả lại cho bà Cao Thị T số tiền 7.800.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0010665 ngày 12/4/2019 và số tiền 2.487.500 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0002771 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

[5.2]. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận việc bà Cao Thị T đã nộp số tiền 8.000.000 đồng để thực hiện cho các lần xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Ông Đinh Tiến P phải hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền 4.000.000 đồng chi phí cho việc xem xét, thẩm định và định giá các tài sản.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, điểm b khoản 2 Điều 59, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T được ly hôn với ông Đinh Tiến P.

- Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa bà Cao Thị T và ông Đinh Tiến P về việc: Giao cháu Đinh Thị Hồng P - sinh ngày 19/8/2007 cho ông Đinh Tiến P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Đinh Hoàng Nhật P - sinh ngày 14/5/2009 cho bà Cao Thị T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết

Ông Đinh Tiến P và bà Cao Thị T được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản:

+ Giao cho ông Đinh Tiến P được quyền sử dụng tích 3.580m² (trong đó có 200m² đất ở) và đường giây điện hai pha, 01 căn nhà gỗ hai gian tại thôn B – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 581868, có tứ cận cụ thể là: Đông giáp đất ông Đinh Minh P dài 60,66m, Tây giáp đất của bà Cao Thị T đã được chia dài 87,88m, Bắc giáp sông Krông Năng rộng 53,08m, Nam giáp đường liên thôn rộng 49,33m.

Giao cho ông Đinh Tiến P được quyền sử dụng diện tích 6.500m² (trong đó có 200m² đất ở) tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số AN 663379, có tứ cận cụ thể là: Đông giáp đất của bà Cao Thị T đã được chia rộng 60,51m, Tây giáp đường mòn rộng 65m, Bắc giáp đất ông Đinh Thanh H dài 96,66m và Nam đất của bà Cao Thị T đã được chia dài 113,83m.

Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

Ông Đinh Tiến P được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu 01 bộ bàn ghế gỗ salon, 01 ghế dây tựa gỗ, 01 bơm nước, 01 máy cắt sắt, 01 xe mô tô Exiter Yamaha BKS 47E1 – 203.51, 01 máy hút bùn.

+ Giao cho bà Cao Thị T được quyền sử dụng diện tích 3.600m² (trong đó có 200m² đất ở) tại thôn B – thị trấn K – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số BG 581868, có tứ cận cụ thể là: Đông giáp đất của ông Đinh Tiến P đã được chia dài 87,88m, Tây giáp đất của bà Đinh Thị V dài 107,3m, Bắc giáp sông Krông Năng rộng 53,59m, Nam giáp đường liên thôn rộng 49,78m.

Giao cho bà Cao Thị T được quyền sử dụng diện tích 8.420m² (trong đó có 200m² đất ở và 262,5 đất hồ) tại thôn G – xã T – huyện K – tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận QSD đất số AN 663379, có tứ cận cụ thể là: Đông giáp đất nghĩa địa thôn G rộng 129m, Tây giáp đường mòn rộng 50m và giáp đất của ông Đinh Tiến P đã được chia rộng 60,51m, Bắc giáp đất của ông Đinh Tiến P đã được chia dài 113,83m

và giáp đất ông Đinh Thanh H dài 11,34m, Nam giáp đất ông Nguyễn Hữu X dài 132m.

Tài sản trên đất và các cây trồng gắn liền đất được giữ nguyên hiện trạng tương ứng với diện tích đất đã được chia.

Bà Cao Thị T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu 01 chiếc xe mô tô Wave BKS 47H2 – 3012, 01 máy giặt Aqua cửa trên, 01 máy cày Jangma.

Ông Đinh Tiến P và bà Cao Thị T phải bàn giao cho nhau quyền sử dụng đất và các tài sản đã được chia theo như quyết định của Bản án và có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án phần tài sản được chia khi các bên không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Ông Đinh Tiến P phải hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền giá trị chênh lệch các tài sản là 18.100.000 đồng.

- Về án phí: Miễn án phí hôn nhân sơ thẩm cho bà Cao Thị T; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Tiến P và bà Cao Thị T do là hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí. Hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền 7.800.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0010665 ngày 12/4/2019 và số tiền 2.487.500 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0002771 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

- Về chi phí tố tụng: Ghi nhận việc bà Cao Thị T đã nộp số tiền 8.000.000 đồng để thực hiện cho các lần xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Ông Đinh Tiến P phải hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền 4.000.000 đồng chi phí cho việc xem xét, thẩm định và định giá các tài sản.

- Về quyền kháng án: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Cảnh Toàn